



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

15/04/2024 – 19/04/2024

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

BIẾN ĐỘNG GIA TĂNG, DÒNG TIỀN THẬN TRỌNG

- Chứng khoán Mỹ điều chỉnh sang tuần thứ 2 liên tiếp khi mối lo lãi suất cao hơn lâu hơn và căng thẳng địa chính trị phủ bóng lên tâm trí nhà đầu tư.
- Lạm phát "cứng đầu" và tăng trưởng kinh tế vẫn mạnh có thể khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) thận trọng hơn về việc cắt giảm lãi suất.
- Độ biến động trên thị trường (VIX) đang gia tăng, giá dầu và giá vàng được dự báo có thể tăng tiếp trong những ngày tới khi rủi ro xung đột địa chính trị còn tiếp diễn.
- Chỉ số Vn-Index vừa có tuần ngược dòng chứng khoán thế giới trên nền thanh khoản thấp, nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính là nhân tố thúc đẩy đà phục hồi của thị trường.
- Theo thống kê, sau chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp, thị trường thường điều chỉnh ở tháng tiếp theo. Hiện chỉ số Vn-Index đã có đỉnh về thanh khoản và điểm số, vùng cản kỹ thuật và áp lực từ tỷ giá đang là nhân tố chi phối tới diễn biến của thị trường. Trong kịch bản lạc quan, thị trường tiếp tục dao động sideways trong vùng 1,245 – 1,290 điểm, cơ hội vượt đỉnh cũ có xác suất thấp. Ở chiều ngược lại, nếu vùng hỗ trợ 1,220 – 1,245 điểm bị xuyên thủng, nhà đầu tư nên thận trọng, trong kịch bản này thị trường có thể điều chỉnh theo xu hướng của chứng khoán thế giới.
- Nhóm cổ phiếu khuyến nghị: Dầu khí và nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ tỷ giá.

Các sự kiện chính trong tuần này (15/04 – 19/04)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
15  Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 3)	16  Trung Quốc: Chỉ số tăng trưởng GDP (quý 1)  Anh: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 2)  Canada: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)	17  Anh: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)  Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)	18  Úc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 3)  Mỹ: Doanh số bán nhà hiện tại (tháng 3)	19  Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	765.67	-1.40%	-0.90%	5.32%	16.97%
Dow Jones	37,983.24	-2.37%	-2.37%	0.78%	12.09%
S&P 500	5,123.41	-1.56%	-0.53%	7.41%	23.82%
Europe	505.24	-0.26%	-0.23%	5.47%	8.21%
Japanese	39,567.00	1.47%	1.96%	18.24%	38.86%
Korea	2,681.82	-1.19%	-1.36%	1.00%	4.29%
China	3,019.47	-1.62%	-0.62%	1.50%	-9.55%
HongKong	16,721.69	-0.01%	-1.41%	-1.91%	-18.19%
Taiwan	20,736.57	1.96%	4.01%	15.65%	30.18%
Indian	22,519.40	0.03%	1.68%	3.63%	26.31%
Singapore	3,216.91	-0.04%	0.96%	-0.72%	-2.60%
Malaysia	1,551.04	-0.27%	0.47%	6.63%	8.08%
Indonesia	7,289.10	0.00%	-1.94%	0.22%	6.90%
Thailand	1,396.38	1.51%	0.10%	-1.38%	-12.32%
Philippine	6,659.39	-1.28%	-4.43%	3.25%	2.74%
Vietnam	1,276.60	1.71%	0.98%	12.98%	21.25%
Brent Oil	90.15	-1.12%	5.54%	17.02%	4.45%
Crude Oil WTI	85.45	-1.68%	5.16%	19.26%	3.55%
Gold	2,360.20	0.63%	8.89%	13.92%	17.88%
S&P 500 VIX	17.31	7.99%	20.21%	39.04%	1.41%
Dollar Index	105.82	1.68%	2.40%	4.74%	4.52%
U.S. 10Y	4.52	2.67%	5.24%	16.84%	28.52%
U.S. 2Y	4.89	3.02%	4.27%	15.16%	19.40%

- Chứng khoán thế giới điều chỉnh sang tuần thứ 2 liên tiếp sau tin CPI tháng 3 của Mỹ cho thấy lạm phát còn dai dẳng, chắc chắn sẽ củng cố hơn nữa thái độ thận trọng của Fed trong việc cắt giảm lãi suất.
- Phản ánh lãi suất cao được giữ trong thời gian lâu hơn, lợi suất kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng lên mức cao nhất trong vòng 5 tháng vừa qua.
- Sự biến động trên thị trường chứng khoán (được đo bằng VIX) tăng 25% ở thời điểm đạt ngưỡng 19.2 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 11 và đã tăng 50% từ mức thấp nhất 3 tuần vừa qua.
- Dù "bốc hơi" rất mạnh trong cuối tuần, nhưng cả giới phân tích lẫn nhà đầu tư đều cho rằng giá vàng sẽ tăng tiếp những ngày tới. Những yếu tố về xung đột địa chính trị còn tiếp diễn, nhu cầu trú ẩn an toàn đối với vàng gia tăng... đang thúc đẩy giá vàng tăng tiếp.
- Trong tuần vừa qua, giá dầu có lúc đạt mức gần cao nhất trong 6 tháng trở lại đây. Tuy nhiên, mối lo về lãi suất cao cũng gây áp lực giảm lên giá dầu, khiến giá dầu Brent giảm 1,12% nếu tính cả tuần và giá dầu WTI giảm hơn 1.68%. Dự kiến sẽ tăng vào thứ Hai sau cuộc tấn công của Iran vào Israel vào cuối tuần.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ điều chỉnh giảm sang tuần thứ 2 liên tiếp

- Chứng khoán Mỹ giảm sang tuần thứ 2 liên tiếp khi mối lo lãi suất cao hơn lâu hơn và căng thẳng địa chính trị phủ bóng lên tâm trí nhà đầu tư. Chỉ số S&P 500 mất 1.56% điểm số, trong khi Dow Jones giảm 2.37% và Nasdaq trượt 0.45%.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tăng 0.4% trong tháng trước và tăng 3.5% so với cùng kỳ năm ngoái. So với mức tăng của tháng 2, mức tăng CPI tháng 3 cao hơn 0.3 điểm phần trăm. Các mức tăng này cũng cao hơn so với dự báo của giới chuyên gia: trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones, các nhà kinh tế học dự báo mức tăng 0.3% so với tháng trước và 3,4% so với cùng kỳ năm trước. CPI lõi - thước đo lạm phát không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng - tăng 0.4% so với tháng trước và tăng 3.8% so với cùng kỳ năm 2023, đều cao hơn so với dự báo là tăng tương ứng 0.3% và 3.7%.
- Thị trường việc làm ở Mỹ vẫn tốt, đồng nghĩa với việc mức tăng lương sẽ không dễ dàng giảm xuống, cũng nghĩa là lạm phát ở Mỹ sẽ vẫn được duy trì trong một thời gian khá dài. Cuộc điều tra Reuters cho thấy các nhà kinh tế dự đoán chỉ số giá PCE được Fed ưa chuộng sẽ tăng trưởng trung bình hàng năm là 2,2% trong năm nay và 2,0% vào năm 2025 và 2026.
- Theo kết quả cuộc khảo sát người tiêu dùng của Đại học Michigan công bố ngày thứ Sáu, người tiêu dùng Mỹ đang ngày càng trở nên lo ngại hơn về sự dai dẳng của áp lực lạm phát. Chỉ số niềm tin tiêu dùng tháng 4 giảm về mức 77,9 điểm, thấp hơn nhiều so với mức dự báo đạt 79,9 điểm mà giới chuyên gia đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Triển vọng hạ lãi suất từ Fed còn 2 lần từ 7 lần hồi đầu năm

- Biên bản cuộc họp chính sách tháng 3 của Fed phản ánh mối lo ngại rằng tiến trình lạm phát hướng tới mục tiêu đó có thể bị đình trệ và chính sách tiền tệ hạn chế có thể cần được duy trì lâu hơn dự kiến.
- Hợp đồng tương lai lãi suất hiện đang định giá 10% khả năng cắt giảm lãi suất KHÔNG trong năm nay. Trường hợp cơ bản cho thấy chỉ có 2 lần cắt giảm lãi suất, 44% khả năng lãi suất không thay đổi đến tháng 7. Chỉ 4 tháng trước, thị trường đã dự đoán sẽ có 6 đến 8 lần cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Năm tháng trước, Chủ tịch Fed Powell đã có bài phát biểu chiến thắng và kêu gọi cắt giảm lãi suất 3 lần vào năm 2024. Giờ đây, các cuộc thảo luận về tỷ lệ HIKE khác thậm chí còn được đưa ra thảo luận.
- Việc Fed không hạ lãi suất năm nay có thể là một “đòn giáng” lớn đối với châu Á, khu vực chịu tác động lớn bởi sự thay đổi chính sách ở Mỹ. Nỗi lo đồng nội tệ suy yếu có thể đẩy dòng vốn đầu tư chảy ra khỏi đất nước, khiến thị trường chứng khoán lao dốc và đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ tăng lên... đang làm đảo lộn kế hoạch ban đầu của các nhà hoạch định chính sách tiền tệ châu Á.. Một lý do khác là sự chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ và trái phiếu chính phủ của các nước châu Á. Chênh lệch càng lớn thì ngân hàng trung ương của các quốc gia mới nổi châu Á càng khó duy trì được sự ổn định của thị trường tài chính trong nước.

MEETING DATE	350-375	375-400	400-425	425-450	450-475	475-500	500-525	525-550
01/05/2024			0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	5,9%	94,1%
12/06/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	1,4%	26,9%	71,7%
31/07/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,6%	11,4%	44,5%	43,5%
18/09/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,3%	5,6%	26,6%	44,0%	23,5%
07/11/2024	0,0%	0,0%	0,1%	1,6%	11,0%	31,2%	38,7%	17,4%
18/12/2024	0,0%	0,0%	0,8%	6,2%	20,9%	34,8%	28,3%	8,9%
29/01/2025	0,0%	0,3%	2,6%	11,1%	25,5%	32,7%	21,9%	5,9%
19/03/2025	0,1%	1,3%	6,4%	17,6%	28,7%	27,8%	14,7%	3,3%
30/04/2025	0,5%	2,8%	9,7%	20,8%	28,5%	24,0%	11,4%	2,3%

MEETING DATE	DAYS TO MEETING	EASE	NO CHANGE	HIKE
01/05/2024	18	5,92%	94,08%	0,00%
12/06/2024	60	28,32%	71,68%	0,00%
31/07/2024	109	56,47%	43,53%	0,00%
18/09/2024	158	76,49%	23,51%	0,00%
07/11/2024	208	82,59%	17,41%	0,00%
18/12/2024	249	91,09%	8,91%	0,00%
29/01/2025	291	94,05%	5,95%	0,00%
19/03/2025	340	96,73%	3,27%	0,00%
30/04/2025	382	97,68%	2,32%	0,00%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Sự đảo ngược chính sách của các ngân hàng trung ương đang bắt đầu

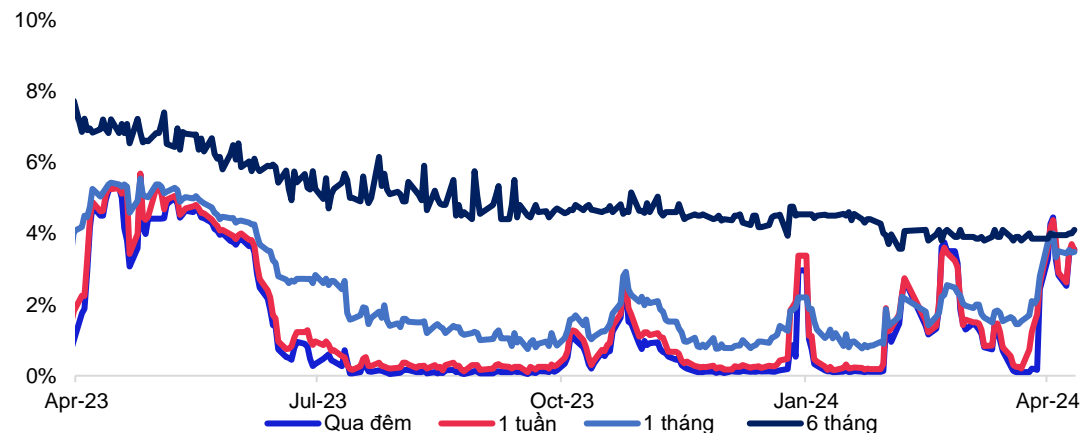
- Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ (SNB) đã trở thành ngân hàng trung ương lớn đầu tiên nói lỏng chính sách với động thái cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vì lạm phát đã nằm trong phạm vi mục tiêu 0 đến 2%.
- Cộng hòa Séc: giảm 50 bps xuống 5.75% (cắt lần 3).
- Brazil: 50 bps giảm xuống 10.75% (lần cắt thứ 6).
- Mexico: cắt giảm lãi suất lần đầu tiên sau 3 năm, 25 bps xuống 11.00%.
- Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) nhiều khả năng sẽ thực hiện giảm lãi suất vào tháng 6 khi lạm phát đang quay trở lại mục tiêu.
- Fed và Ngân hàng trung ương Anh (BoE) đều gợi ý rằng họ có thể là ngân hàng trung ương tiếp theo nhưng vẫn giữ quan điểm đủ mơ hồ để có thể thực hiện các động thái vào tháng 6 hoặc tháng 7, miễn là dữ liệu không làm đảo lộn kế hoạch.
- Trên thực tế, một số nhà kinh tế cho rằng thế giới đang trải qua những thay đổi sâu sắc đến mức xu hướng giảm lịch sử của lãi suất trung lập - không kích thích cũng không làm chậm tăng trưởng - có thể đảo ngược.
- Các nhà đầu tư kỳ vọng mỗi ngân hàng trung ương Fed, ECB và BoE sẽ chỉ cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản vào cuối năm nay thông qua ba lần cắt giảm 25 điểm cơ bản - những thay đổi nhỏ so với lần tăng lãi suất vào năm 2022.

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.05%	2.8%	-2.8%	Higher	Hike	Mar-24
Switzerland	Target Rate	1.50%	1.0%	0.5%	Lower	Cut	Mar-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	2.1%	-0.1%	Lower	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.50%	-0.5%	3.0%	Higher	Hike	Sep-23
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.8%	1.2%	Higher	Hike	May-23
China	Loan Prime Rate	3.45%	0.1%	3.4%	Lower	Cut	Aug-23
South Korea	Repo Rate	3.50%	3.1%	0.4%	Unchanged	Hike	Jan-23
Denmark	Deposit Rate	3.60%	0.9%	2.7%	Higher	Hike	Sep-23
Sweden	Repo Rate	4.00%	4.1%	-0.1%	Lower	Hike	Sep-23
Eurozone	Deposit Rate	4.00%	2.4%	1.6%	Lower	Hike	Sep-23
Australia	Cash Rate	4.35%	3.4%	0.9%	Unchanged	Hike	Nov-23
Norway	Deposit Rate	4.50%	3.9%	0.6%	Lower	Hike	Dec-23
Canada	Overnight	5.00%	2.8%	2.2%	Higher	Hike	Jul-23
UK	Bank Rate	5.25%	3.4%	1.9%	Lower	Hike	Aug-23
US	Fed Funds	5.38%	3.5%	1.9%	Higher	Hike	Jul-23
New Zealand	Cash Rate	5.50%	5.6%	-0.1%	Unchanged	Hike	May-23
Poland	Repo Rate	5.75%	1.9%	3.9%	Lower	Cut	Oct-23
Hong Kong	Base Rate	5.75%	2.1%	3.7%	Higher	Hike	Jul-23
Czech Republic	Repo Rate	5.75%	2.0%	3.8%	Unchanged	Cut	Mar-24
Indonesia	Repo Rate	6.00%	3.1%	3.0%	Higher	Hike	Oct-23
Saudi Arabia	Repo Rate	6.00%	1.8%	4.2%	Higher	Hike	Jul-23
Peru	Policy Rate	6.00%	3.1%	3.0%	Lower	Cut	Apr-24
Philippines	Key Policy Rate	6.50%	3.7%	2.8%	Higher	Hike	Oct-23
India	Repo Rate	6.50%	4.9%	1.7%	Lower	Hike	Feb-23
Chile	Base Rate	6.50%	3.7%	2.8%	Lower	Cut	Apr-24
South Africa	Repo Rate	8.25%	5.6%	2.7%	Higher	Hike	May-23
Brazil	Target Rate	10.75%	3.9%	6.8%	Lower	Cut	Mar-24
Mexico	Overnight Rate	11.00%	4.4%	6.6%	Higher	Cut	Mar-24
Colombia	Repo Rate	12.75%	7.4%	5.4%	Lower	Cut	Jan-24
Russia	Key Policy Rate	16.00%	7.7%	8.3%	Unchanged	Hike	Dec-23
Turkey	Repo Rate	50.00%	68.5%	-18.5%	Higher	Hike	Mar-24
Argentina	Overnight Repo	70.00%	287.9%	-217.9%	Higher	Cut	Mar-24

Lãi suất

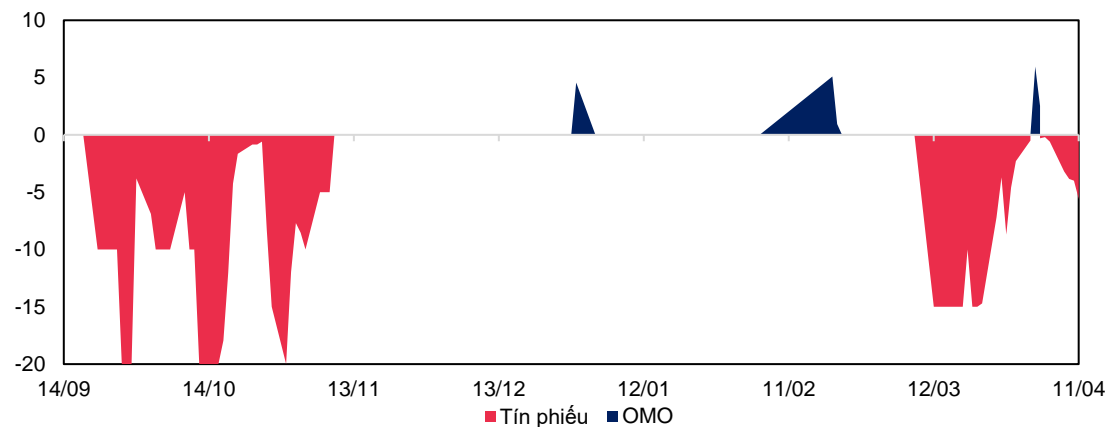
- Trong tuần vừa qua, NHNN tiếp tục thực hiện nghiệp vụ phát hành tín phiếu lên tới 16.6 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 28 ngày và lãi suất 2.9%-3.5%. Đã có khoảng 60 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần đồng thời khoảng hơn 8.4 nghìn tỷ đồng lượng tiền NHNN bơm tiền vào hệ thống NH trong tuần trước cũng đáo hạn. Hiện tại có khoảng gần 130 nghìn tỷ đồng tín phiếu đang lưu hành trong hệ thống và chúng tôi ước tính sẽ có khoảng 69.7 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần sau.
- Lãi suất liên ngân hàng sau khi bật tăng mạnh và tạo đỉnh trong tuần trước đã hạ nhiệt. Lãi suất qua đêm hiện đang giao dịch tại mức 3.5%, giảm 20% so với mức đỉnh. Các kỳ hạn dưới 1 tháng cũng đang giao dịch ở mức 3.4%-3.5% trong khi kỳ hạn dài 6 tháng cũng cho thấy mức tăng nhẹ và hiện đang giao dịch ở mức lãi suất 4.1%

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

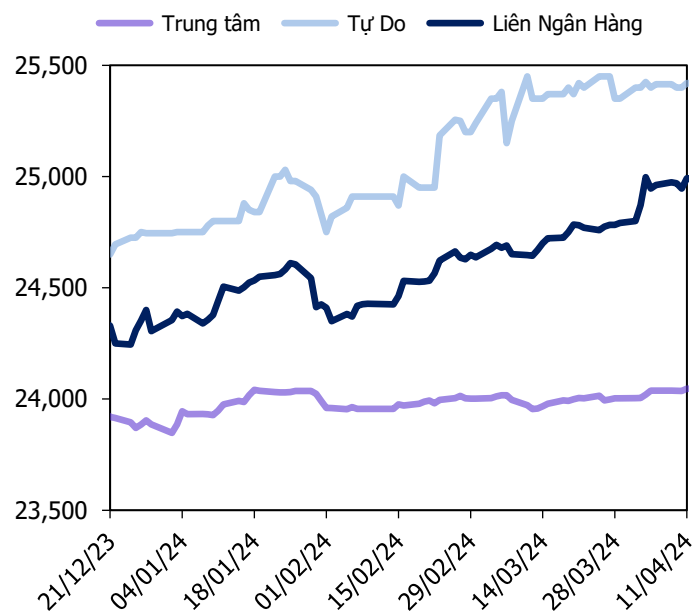


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

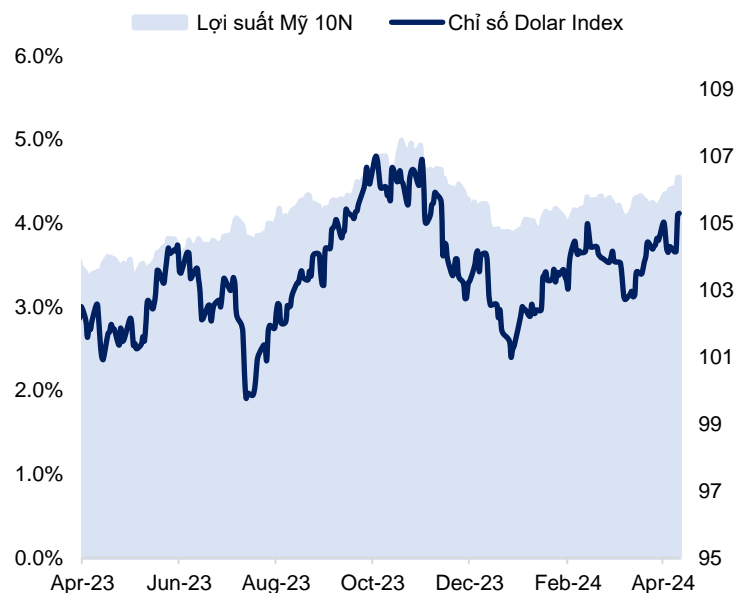
Đồng USD bật tăng lên mức 105.2 sau khi lạm phát của Mỹ tăng cao hơn dự kiến vào tháng 3, đẩy thời điểm dự kiến cắt giảm lãi suất lần đầu tiên từ tháng 6 sang tháng 9. Tháng 3, CPI của Mỹ tăng 0.4% so với tháng trước, cao hơn so với mức tăng 0,3% mà các nhà kinh tế dự đoán. CPI tăng 3.5% svck so với dự báo tăng 3.4%. Chỉ số giá sản xuất (PPI) tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 2.1% svck, chỉ số yếu hơn dự kiến không làm giảm lo ngại về lạm phát dai dẳng, điều này đã củng cố niềm tin rằng Fed sẽ trì hoãn cắt giảm lãi suất trong năm nay. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng hiện đang giao dịch tại 24,992 VND/USD, đi ngang so với tuần trước. Tỷ giá tại thị trường tự do đang giao dịch tại 25,420 VND/USD trong khi tỷ giá trung tâm tăng nhẹ so với tuần trước và lên ngưỡng 24,046 VND/USD.

Tỷ giá USD/VND



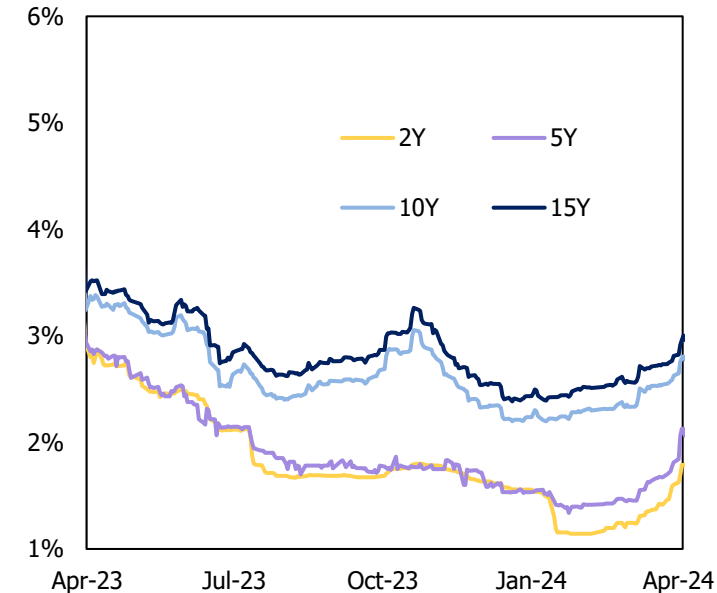
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

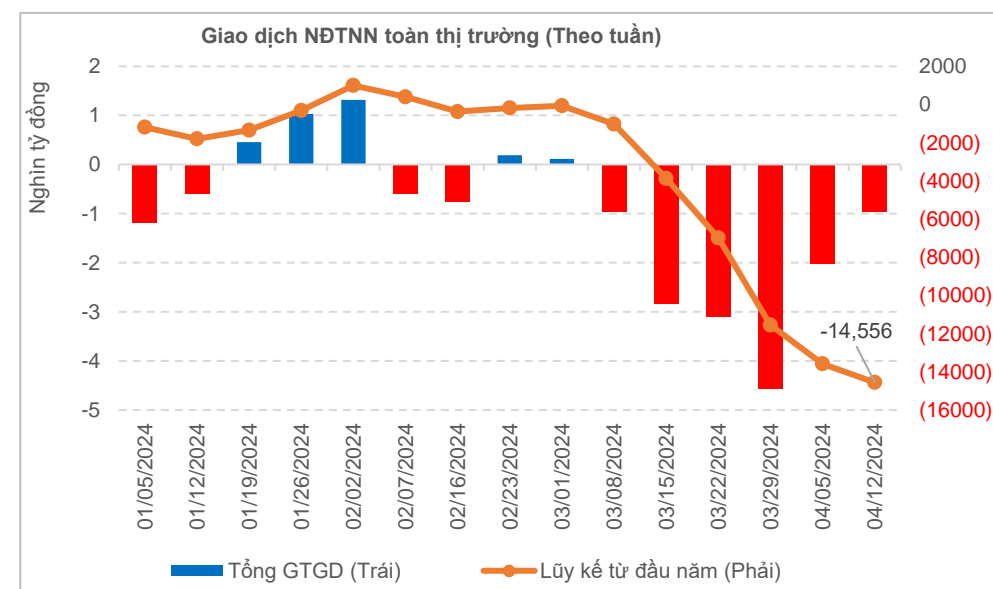
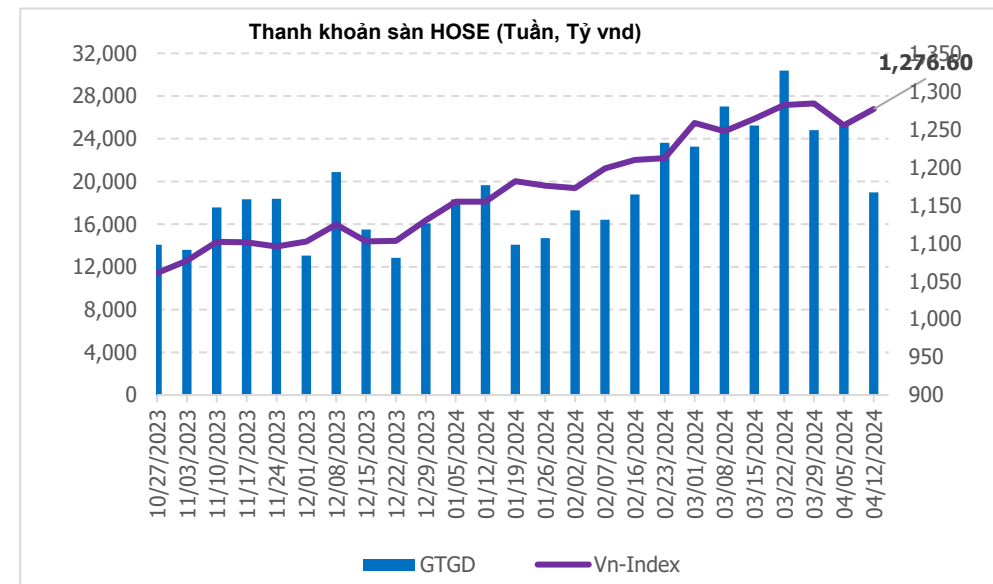
Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Vn-Index ngược dòng chứng khoán thế giới trên nền thanh khoản thấp

- Chỉ số Vn-Index vừa có tuần ngược dòng chứng khoán thế giới với mức tăng +21.49 điểm, tương đương tăng 1.71%, chốt tuần ở 1,276.6 điểm.
- Nhóm Midcap có mức tăng mạnh nhất trong tuần (+2.23%), nhóm Vn30 với tỷ trọng cao từ nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng +2.14%, trong khi đó nhóm Smallcap giảm nhẹ - 0.04%.
- Nhóm dịch vụ tài chính dẫn dắt đà phục hồi của thị trường, bên cạnh đó là nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ đà tăng của thị trường hàng hóa.
- Thanh khoản toàn thị trường giảm -26% so với tuần trước, còn 21,358 tỷ đồng, trong đó thanh khoản qua khớp lệnh sụt -32.4% xuống mức 18,334 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản quý 1 đạt 23,723 tỷ đồng, tăng gấp 2.1 lần so với cùng kỳ. Tính riêng tháng 3, thanh khoản đạt 29,136 tỷ đồng, cao gấp 2.8 lần so với cùng kỳ và cũng là tháng cao thứ 2 từ trước đến nay, chỉ sau tháng 3/2022 (33,450 tỷ đồng). Tuy vậy, kể từ đầu tháng 4 đến nay, thanh khoản giảm, còn 24,361 tỷ đồng, tức giảm 18% so với tháng 3.
- Khối ngoại bán ròng -971 tỷ đồng ở tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 6 liên tiếp. Với việc thanh khoản giảm, khối ngoại cũng giảm áp lực bán ròng, đây cũng là tuần bán ròng thấp nhất trong vòng 5 tuần vừa qua. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại bán ròng 13,556 tỷ đồng.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Giao dịch của các quỹ ETF kể từ đầu năm

- Dòng vốn qua kênh ETF cũng bị rút ròng -340 triệu USD (tương đương -8,398 tỷ đồng).
- Phần lớn các quỹ ETF đều bị rút ròng như: Diamond (-170.8 triệu USD), DCVFMVN30 ETF (-38.7 triệu USD), Fubon FTSE (-33.7 triệu USD), v.v...
- Các cổ phiếu có tỷ trọng cao trong ETF Diamond: FPT, MWG, PNJ, GMD, TCB, ACB, v.v ...
- Các cổ phiếu có tỷ trọng cao trong ETF Fubon: HPG, VIC, VHM, VCB, MSN, VNM, v.v ...
- Tuần vừa qua, ETF Fubon đã quay lại mua ròng +18.42 triệu USD.

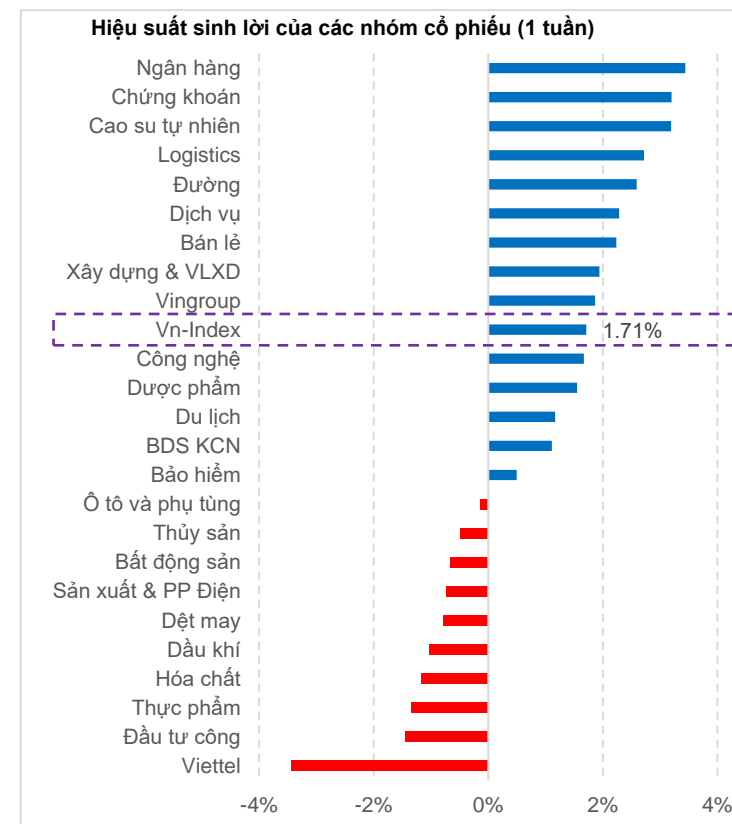
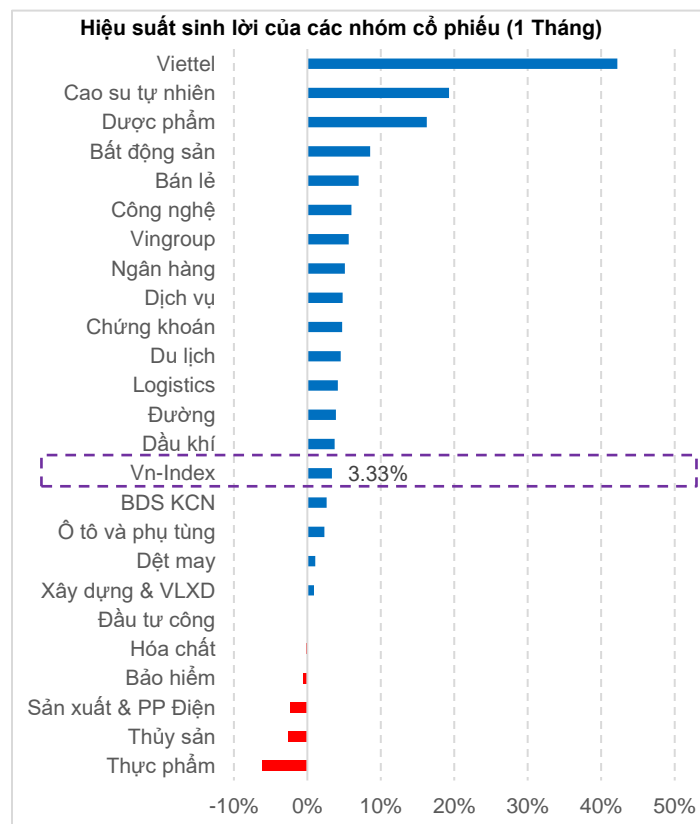
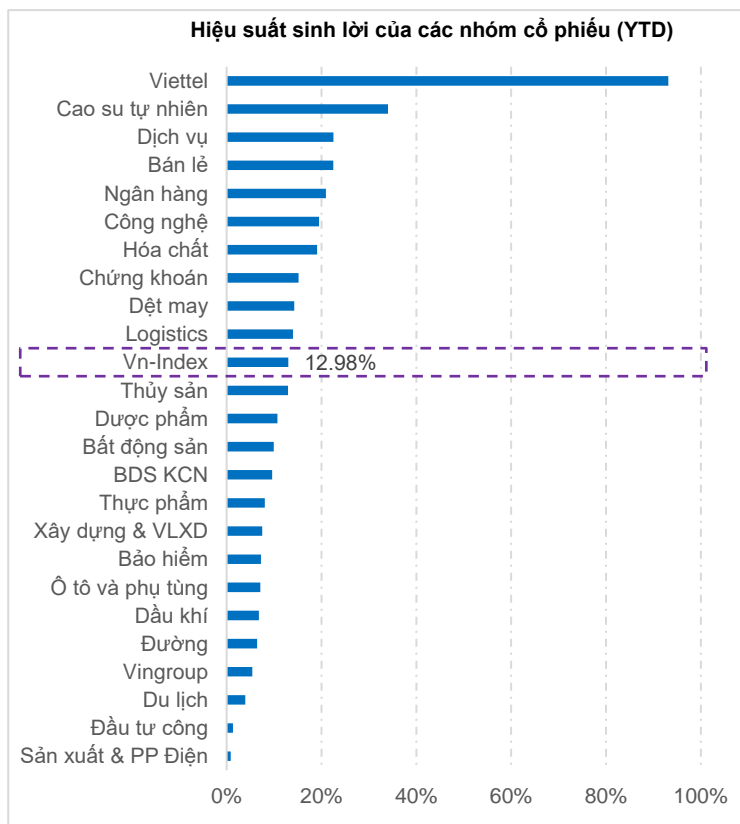
Country/Region	Netflow	Netflow	Flow%	Assets	#Funds	Inflow	In/Out	Outflow
1) Asia Pacific		+74,177	+5.8	1,282,771	2,925	208,054		-133,877
2) China		+47,345	+13.7	346,340	1,096	112,619		-65,274
3) Japan		+11,644	+1.8	644,382	370	40,279		-28,635
4) India		+5,225	+20.0	26,147	225	6,110		-884
5) Asia Pac ex Japan*		+4,914	+16.0	30,637	76	6,174		-1,260
6) South Korea		+4,183	+11.5	36,468	570	22,295		-18,113
7) Australia		+1,046	+2.1	49,913	147	2,720		-1,674
8) Taiwan		+560	+1.1	50,031	70	5,468		-4,908
9) ASEAN Countries*		+66	+30.5	215	6	155		-89
10) Indonesia		+45	+4.4	1,028	41	184		-138
11) Philippines		+21	+10.7	196	4	25		-4
12) Singapore		+17	+0.4	3,751	16	208		-191
13) Thailand		+1	+0.1	802	11	21		-20
14) Malaysia		+1	+0.1	744	11	11		-10
15) Pakistan		0	+3.0	15	3	1		0
16) Oceania Region*		0	--	--	1	0		--
17) South East Asia Re...		0	0.0	13	2	0		0
18) Asia Pacific*		-6	-0.1	10,105	61	688		-694
19) New Zealand		-68	-4.6	1,481	11	21		-90
20) Hong Kong		-182	-0.2	73,499	112	10,573		-10,756
21) Greater China*		-294	-6.5	4,486	68	427		-721
22) Vietnam		-340	-13.5	2,517	24	74		-414

Name	1D Flow (M USD)	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	YTD Flow ↑ (M USD)
Average	+0.14	-0.04	-6.82	-12.55
Median	.00	.00	.00	.00
1) DCVFMVN Diamond ETF	.00	+1.53	-77.93	-170.78
2) DCVFMVN30 ETF Fund	.00	-6.12	-18.24	-38.69
3) SSIAM VNFIN LEAD ETF	-4.78	-14.48	-23.82	-36.07
4) Fubon FTSE Vietnam ETF	+7.85	+18.42	-47.16	-33.67
5) KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	.00	.00	+3.00	-27.51
6) Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-0.50	-1.66	-15.76	-26.93
7) Premia Vietnam ETF	.00	.00	-2.97	-4.75
8) Premia Vietnam ETF	.00	.00	-2.97	-4.75
9) SSIAM VNX50 ETF	.00	+0.00	+0.00	-1.01
10) VanEck Vietnam ETF	.00	.00	.00	-.64
11) MAFN VN30 ETF	.00	.00	+0.06	-.40
12) CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	.00	.00	+0.15	-.13
13) KIM Growth VNFINSELECT ETF	.00	.00	.00	-.05
14) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	.00	.00	.00	.00
15) KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	.00	.00	.00	.00
16) Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	.00	.00	.00	.00
17) Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	.00	.00	.00	.00
18) Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam00	.00	.00	.00
19) Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	.00	.00	.00	.00
20) FPT CAPITAL VNX50 ETF	.00	.00	.00	.00
21) IPAAM VN100 ETF	.00	.00	.00	.00
22) SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	.00
23) VinaCapital VN100 ETF	.00	.00	.00	.00
24) KIM Growth VN30 ETF	+1.17	+1.17	+0.84	+1.15
25) MAFN VNDIAMOND ETF	.00	.00	+0.10	+1.51
26) DCVFMVN Mid Cap ETF	.00	.00	+0.05	+1.87
27) Global X MSCI Vietnam ETF	.00	.00	+0.53	+1.93

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Cổ phiếu dịch vụ tài chính và hàng hóa dẫn dắt đà phục hồi của thị trường trong tuần vừa qua

- Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính như Ngân hàng, chứng khoán, ... hồi phục sau tuần giảm trên diện rộng ở tuần trước đó. Đối với nhóm ngân hàng: LPB (+14.33%), CTG (+8.13%), BID (+6.37%), VIB (+3.96%), TCB (+4.87%), ... trong khi một số cổ phiếu chứng khoán cũng có một số cổ phiếu tiêu biểu như: CTS (+12.50%), FTS (+5.67%), AGR (+5.61%), SHS (+5.05%), v.v...
- Mặc dù giá dầu thế giới neo ở ngưỡng 90 USD/thùng đối với dầu Brent, tuy vậy nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn điều chỉnh giảm trong tuần vừa qua, ngoại trừ PVS (+1.9%), các cổ phiếu lớn còn lại giảm như: BSR (-1.01%), PVD (-0.3%), GAS (-1.48%), ... Nhóm cổ phiếu dầu khí có thể được hỗ trợ từ thị trường dầu thế giới khi rủi ro địa chính trị gia tăng ở Trung Đông.

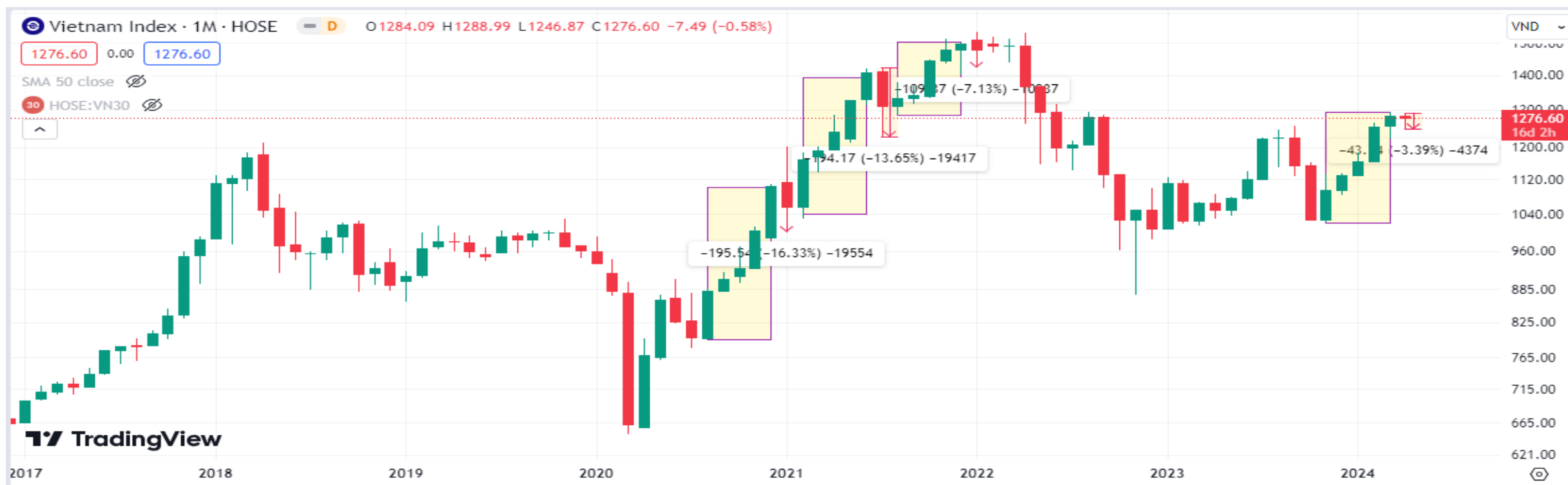


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường

- Theo thống kê, sau chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp, thị trường thường điều chỉnh ở tháng tiếp theo. Ở 3 lần trước đó, sau nhịp tăng một mạch 5 tháng liền, thị trường điều chỉnh ở tháng tiếp theo trong quá trình tìm đỉnh cao mới.
- Kể từ năm 2010 đến 2023, chỉ số Vn-Index có 7 lần tăng và 7 lần giảm trong tháng 4, trung bình mức tăng +6.99%, trung bình mức giảm -3.83%, cho cả thời gian trên, thị trường tăng 1.58%. Do vậy, chúng tôi dự phóng thị trường tháng 4 này sẽ dao động trong vùng: 1,235 – 1,310 điểm.
- Thị trường đang điều chỉnh giảm trước vùng kháng cự kỹ thuật và áp lực từ tỷ giá. Về mặt kỹ thuật, thị trường đã có đỉnh về thanh khoản và điểm số, phía trước là mùa đại hội cổ đông và báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 sắp được công bố sẽ hạn chế rủi ro cho nhịp điều chỉnh sâu.



Nhận định thị trường

• Một số rủi ro đối với thị trường cần lưu ý:

1. Chỉ số Vn-Index gặp thử thách ở vùng 1,290 – 1,300 điểm, nơi có mặt của trendline vừa là hỗ trợ vừa là kháng cự.
2. Vùng hỗ trợ ngắn hạn cho thị trường ở khu vực 1,243 – 1,245 điểm.
3. Áp lực về tỷ giá và lãi suất.
4. Mức điều chỉnh -3.39% từ đỉnh là khá thấp so với các nhịp điều chỉnh trước đó, bên cạnh đó thanh khoản giảm nên đây có thể chỉ là nhịp hồi mang tính kỹ thuật. Trong kịch bản lạc quan, thị trường tiếp tục dao động sideways trong vùng 1,245 – 1,290 điểm, cơ hội vượt đỉnh cũ có xác suất thấp. Ở chiều ngược lại, nếu vùng hỗ trợ 1,220 – 1,245 điểm bị xuyên thủng, nhà đầu tư nên thận trọng, trong kịch bản này thị trường có thể điều chỉnh theo xu hướng của chứng khoán thế giới.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		1.71	3.33	12.98
1	VCB	528.73	-0.32	0.53	17.81
2	BID	304.40	6.37	5.74	23.04
3	VHM	193.77	3.61	4.58	3.01
4	CTG	192.78	8.13	5.12	32.47
5	ACV	185.69	0.00	0.95	28.64
6	GAS	183.05	-1.48	2.44	5.56
7	VIC	180.23	1.36	9.24	8.63
8	HPG	174.15	1.70	0.17	7.16
9	TCB	166.97	4.87	17.33	49.06
10	VPB	156.30	1.29	6.20	2.60
11	FPT	146.68	1.58	5.00	20.19
12	VNM	139.40	-1.77	-3.89	-0.06

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	MBB	130.33	5.57	7.41	32.17
14	ACB	108.75	3.13	4.67	17.15
15	MSN	102.88	0.00	-7.23	7.31
16	VGI	95.58	-3.28	37.66	105.43
17	MCH	94.98	-3.60	-9.52	50.46
18	GVR	88.88	1.59	8.29	50.94
19	MWG	76.04	1.96	12.07	21.50
20	SAB	71.82	-0.18	-5.56	-8.96
21	HDB	70.29	4.07	5.19	19.70
22	BCM	63.14	-2.56	-9.09	-3.02
23	BSR	60.46	-1.01	2.60	5.91
24	VIB	59.87	3.96	10.80	23.88
25	VJC	57.95	5.00	3.88	-0.93

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		1.71	3.33	12.98
26	SSB	56.40	2.96	0.22	-5.44
27	SSI	56.29	2.04	3.30	14.48
28	VRE	54.88	-2.23	-1.43	3.65
29	STB	54.86	-1.69	-3.64	4.11
30	LPB	50.00	14.33	18.13	24.13
31	VEA	49.03	-0.54	1.66	6.69
32	PLX	46.82	-0.81	2.50	6.81
33	DGC	45.27	-0.42	1.02	26.27
34	TPB	41.17	2.75	1.08	7.47
35	HVN	39.19	10.63	31.60	44.49
36	SHB	34.65	1.35	-0.88	4.63
37	NVL	34.52	-3.28	10.28	3.81

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	PNJ	34.49	6.40	4.76	20.60
39	VEF	33.09	-0.55	29.81	82.89
40	EIB	31.60	1.97	1.11	-1.09
41	BVH	31.10	0.48	-3.34	6.08
42	OCB	30.51	3.13	2.41	11.65
43	MSB	29.30	3.17	-0.34	12.69
44	KDH	29.13	-0.14	0.00	16.08
45	VND	26.73	-0.45	-4.15	-1.35
46	POW	26.35	0.00	-3.02	0.00
47	REE	25.67	1.94	2.93	12.35
48	KBC	25.64	1.21	4.05	5.20
49	VGC	25.42	1.25	4.23	3.28
50	GMD	25.37	4.74	5.28	15.89

DỰ BÁO LỢI NHUẬN SAU THUẾ Q1/24 VÀ 2024 CÁC DN MBS RESEARCH THEO DÕI

STT	Mã CP	Ngành		Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét
				2024	Q1/24	
1	PVD	Dầu khí	579	↑ 67%	↑ 223%	Lợi nhuận Q1/2024 nói riêng và cả năm 2024 nói chung sẽ tăng trưởng tích cực nhờ giá thuê giàn neo ở mức cao, trong khi mức nền Q1/23 tương đối thấp. Các hợp đồng đều đã được ký với mức giá thuê cố định trong thời gian tương đối dài, có thể giúp tăng hiệu suất hoạt động giàn tự năng.
2	PVT	Dầu khí	980	↔ 16%	↑ 25%	Chúng tôi dự báo LN ròng của PVT năm 2024 tăng 16% svck do kỳ vọng giá cước vận tải dầu khí tích cực kéo theo biên lợi nhuận gộp mảng vận tải tích cực; trong đó LN ròng Q1 tăng 25% svck nhờ (1) mức nền rất thấp của Q1/2023 khi mảng vận tải hàng rời không thuận lợi; (2) đội tàu tại thời điểm cuối năm 2023, đầu năm 2024 ước tính đã tăng 24% so với thời điểm đầu năm 2023, đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận ròng của doanh nghiệp.
3	PLX	Dầu khí	2,812	↔ 15%	↔ 20%	Chúng tôi dự báo LN ròng Q1/24 của PLX có thể tăng trưởng tích cực (+20% svck) nhờ giá dầu không có biến động mạnh dẫn đến không cần trích lập hàng tồn kho lớn, đồng thời kỳ vọng doanh nghiệp giành được thị phần từ các nhà cung cấp nhỏ đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh do gặp vướng mắc pháp lý.
4	PVS	Dầu khí	866	↔ 11%	↔ 17%	Chúng tôi dự báo LN ròng của PVS giai đoạn 2024-2025 tăng 31.8%-19.3% svck, mặc dù kết quả quý 1 có thể chưa thực sự có bước chuyển lớn (lợi nhuận ròng Q1/24 có thể +17% svck) do dự án Lô B chưa ký được FID. Dự kiến FID cho Lô B sẽ được phê duyệt trong Q2/2024 và tác động tích cực đến tiến độ triển khai các gói thầu liên quan của PVS.
5	BSR	Dầu khí	8,511	↓ -36%	↔ -12%	Lợi nhuận trong Q1/24 của BSR có thể giảm nhẹ so với cùng kỳ do tác động trái chiều của: (1) giá dầu và crack spread duy trì ở mức cao hơn so với đầu năm 2023 (tích cực) và (2) sản lượng bị ảnh hưởng nhẹ do nhà máy bắt đầu bảo dưỡng lần 5 từ ngày 15/3/2024. Chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng năm 2024 đạt mức 5488 tỷ VNĐ (-36% svck) trên cơ sở giá dầu Brent trung bình cả năm đạt 85 USD/thùng; trong đó chúng tôi dự báo LN ròng Q1/2024 giảm 12% svck.
6	GAS	Dầu khí	11,606	↔ -1%	↔ -13%	Giá dầu neo ở mức cao trong Q1/24 là yếu tố hỗ trợ tốt cho giá bán khí đầu ra của GAS, tuy nhiên cân nhắc đến rủi ro thiếu khí khá nghiêm trọng trong khi chưa có cơ chế bán LNG, chúng tôi dự phóng thận trọng lợi nhuận ròng của GAS trong năm 2024 chỉ tăng nhẹ 0.5% svck, trong đó lợi nhuận ròng Q1 giảm 13% từ mức nền cao của đầu năm 2023

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Tác động của tỷ giá lên cổ phiếu – Tích cực

STT	Cổ phiếu	Nhân định	STT	Cổ phiếu	Nhân định
1	DRC	Xuất khẩu thu USD	8	GMD	Đơn giá dịch vụ của GMD neo theo USD, cơ cấu nợ vay có 1 tỷ trọng nhỏ USD tuy nhiên ảnh hưởng không đáng kể (lỗ tỷ giá 2022-23 chiếm 2%/1% LN ròng)
2	GIL	Xuất khẩu thu USD	9	VHC	DN xuất khẩu cá tra sang Mỹ và EU chiếm 65% cơ cấu DT của VHC nên tỷ giá USD tăng sẽ tác động tích cực đến LN
3	PTB	Thị trường mỹ đóng góp khoảng 60% doanh thu cho PTB, phần lớn nguyên liệu đầu vào đều được khai thác nội địa. đối với sản phẩm gỗ, phú tài tự chủ 40% nguồn nguyên liệu gỗ, 30% thu gom trong nước và 30% nhập khẩu từ Uruguay, Brazil, đối với mảng đá nhân tạo, phú tài sở hữu các mỏ đá granite tại Bình Định, Phú Yên, Yên Bái.	10	HAH	Đơn giá dịch vụ của HAH neo theo USD, cơ cấu nợ vay có 1 tỷ trọng nhỏ USD tuy nhiên ảnh hưởng không đáng kể (lỗ tỷ giá 2022-23 chiếm khoảng 2% LN ròng)
4	SCS	Doanh thu USD từ các dịch vụ hàng hóa quốc tế chiếm trên 80%	11	CSM	Xuất khẩu sang Mỹ
5	ACV	Doanh thu USD từ các dịch vụ hàng không quốc tế chiếm trên 60%, cơ cấu nợ vay không gồm USD	12	VGC	Xuất khẩu kính, gạch ceramic ra thị trường EU
6	FPT	Thu dịch vụ ngoại tệ lần lượt bằng USD và JPY là 413tr USD và 52 tỷ JPY, nợ vay USD ~60tr USD đã được hedging 100%, nợ vay JPY ~11 tỷ Yên, được hedging ~50%	13	VCS	70% DT của VCS đến từ thị trường Mỹ vì thế trong bối cảnh giá nguyên liệu bột thạch anh và như Polyester giảm, tỷ giá tăng giúp VCS được LN hưởng lợi.
7	VRE	Doanh thu có đơn giá các hợp đồng tính theo USD, gần như không có nợ vay ngoại tệ			

Các chủ đề đầu tư năm 2024

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



STT	Chủ đề	Đánh giá các khía cạnh tác động	Nhóm ngành có tác động tích cực	DNNY đáng chú ý
1	Áp lực lãi suất và tỷ giá hạ nhiệt	Các doanh nghiệp có tỷ lệ vay nợ nước ngoài cũng như có tỷ lệ đòn bẩy cao sẽ giảm bớt áp lực chi phí tài chính.	Bất động sản, năng lượng	PC1, HPG, GEX
		Thị trường M&A thế giới sôi động trở lại. Lãi suất thấp hơn sẽ kích thích nhu cầu các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội M&A tại các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam	Các doanh nghiệp đa ngành, sở hữu các dự án năng lượng, bất động sản, khu công nghiệp	GEX, BCG, PC1, KDH, DXG, BCM, IDC
		Môi trường lãi suất thấp sẽ kích thích nhu cầu tín dụng. Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng đạt 13% - 14% trong năm 2024.	Ngân hàng, Bất động sản	ACB, TCB, STB, VHM, NLG, KDH
2	Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong giai đoạn 2024-25	Năm 2024 được xem là năm bản lề để hoàn thành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 đồng thời cũng bắt tay vào xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Hiện hầu hết các dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư do đó năm nay là thời điểm đẩy nhanh tiến độ.. Chúng tôi kỳ vọng khi các nút thắt đầu tư những năm trước đã được tháo gỡ (vd: công tác chỉ định thầu đẩy nhanh quá trình giao thầu, việc khai thác các mỏ đất đá mới đã được cấp phép, giá nguyên vật liệu xây dựng đã hạ nhiệt so với giai đoạn 2021-22,...), giải ngân đầu tư công thực tế năm 2024 sẽ đạt khoảng 85 – 90% kế hoạch, tương ứng với tăng trưởng 38% - 45% so với năm 2023.	Nhóm ngành xây dựng hạ tầng, đá, thép	CTR, VCG, C4G, KSB, HPG
3	Trung Quốc phát đi thông điệp ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2024	Theo đuổi mục tiêu tăng trưởng, TQ có thể nới lỏng điều kiện hoạt động của các ngành công nghiệp nặng. Điều này có thể dẫn đến giá cả các nguyên vật liệu cơ bản phục vụ cho sản xuất CN tạo đáy và đi lên.	Thép, hóa chất, nickel	HPG, NKG, DGC, PC1
		Tiêu dùng của Trung Quốc sẽ là động lực quan trọng trong năm 2024. Xu hướng tiêu dùng của người dân TQ trong quý 3 (chỉ tiêu tiêu dùng chiếm tỷ trọng trong thu nhập khả dụng) là 69.8%, không những tốt hơn cùng kỳ trong thời kỳ dịch bệnh, mà còn tốt hơn trước đại dịch. Cầu tiêu dùng Trung Quốc phục hồi sẽ hỗ trợ cho một số mặt hàng Việt Nam xuất khẩu như điện thoại, nông sản,...	Nhóm doanh nghiệp có tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc lớn như nông sản, thủy sản	ANV, HAG
4	Thị trường BĐS sẽ tích cực	Trong năm 2024 Luật Đất đai sửa đổi 2024 chủ yếu tác động tích cực đến nguồn cung.	Ở giai đoạn đầu của chu kỳ phục hồi, phân khúc nhà hợp túi tiền, xây dựng, vật liệu xây dựng sẽ được hưởng lợi trước tiên	KDH, NLG, HPG,

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



5	Cách mạng công nghệ mới	<p>Xu hướng dòng vốn đầu tư công nghệ cao vào Việt Nam đặc biệt sau khi Việt Nam đã nâng tầm đối tác chiến lược toàn diện với các cường quốc thế giới về công nghệ như Mỹ, Nhật.</p> <p>Công nghệ mới (5G, AI,...) còn thúc đẩy chu kỳ sản phẩm mới, kích thích nhu cầu tiêu dùng</p>	<p>Khu công nghiệp, công nghệ, hóa chất</p> <p>Bán lẻ điện tử tiêu dùng</p>	<p>FPT, KBC, IDC, SZC, DGC, PC1</p> <p>FRT, MWG, DGW</p>
6	Nhu cầu năng lượng tăng cao	<p>Tăng giá điện bán lẻ sẽ giúp EVN cải thiện tình hình tài chính, cũng như đẩy mạnh việc chi trả cho các doanh nghiệp điện</p> <p>Cầu huy động nhiệt điện vẫn cao trong bối cảnh pha El Nino vẫn tiếp diễn trong năm 2024</p> <p>Các dự án năng lượng quan trọng được thúc đẩy triển khai nhanh hơn như: Lô B, đường dây 500 KV mạch 3 kéo dài, nhằm đảm bảo cung ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong nước.</p>	<p>Chủ yếu nhóm nhiệt điện sẽ được hưởng lợi do cải thiện năng lực tài chính</p> <p>Nhiệt điện</p> <p>Các doanh nghiệp xây lắp, cơ khí</p>	<p>POW, QTP, HND</p> <p>POW, QTP, HND</p> <p>PC1, PVS, TV2, GAS</p>
7	Bất ổn địa chính trị gây xáo trộn dòng thương mại toàn cầu	<p>Mặc dù xung đột Nga - Ukraine đang có chiều hướng hạ nhiệt tuy nhiên xung đột tại khu vực Trung Đông lại đang có chiều hướng gia tăng, mới đây nhất là những căng thẳng trên Biển Đỏ. Điều này khiến các hãng tàu phải thay đổi cung đường vận chuyển và đẩy giá cước vận tải lên cao.</p>	<p>Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải dầu khí</p>	<p>HAH, VOS, PVT</p>
8	Hệ thống KRX đưa vào vận hành từ năm sau có là bước đệm cho phát triển thị trường CK	<p>hệ thống KRX sẽ được đi vào vận hành, tạo nền tảng cơ sở để nhiều sản phẩm mới được triển khai, kết hợp với môi trường lãi suất thấp dòng tiền có thể dịch chuyển sang TTCK</p>	<p>Chứng khoán</p>	<p>SSI, VND, VCI, MBS, BSI, FTS</p>
9	Kỳ vọng niêm yết của một số doanh nghiệp lớn	<p>Một số doanh nghiệp lớn đang có kế hoạch niêm yết trên HSX sẽ tạo được sự thu hút quan tâm của các nhà đầu tư tổ chức và khối ngoại</p>		<p>ACV, BSR, OIL, VTP, ABB</p>

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Lê Minh Anh

Ngô Quốc Hưng

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Đỗ Phương Lan

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly